

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
HUYỆN YÊN THẾ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15/4/2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chiến

2. Ông Dương Ngô Phiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2023 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Thanh Đ, sinh năm 1989

Địa chỉ: TDP T, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thị Bảo Y, sinh năm 1989

Địa chỉ: TDP H, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

\* Nguyên đơn là anh Phan Thanh Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Y tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/01/2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống hạnh phúc tại Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đến ngày 15/8/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Y có quan hệ ngoại tình, chị Y cũng lâm vào cảnh nợ nần. Mặc dù gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị Y vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ ngày 30/8/2023 đến nay. Nay anh xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa, anh yêu cầu ly hôn chị Y.

- Về con chung: Anh và chị Y có 01 con chung là cháu Phan Thị Bảo A, sinh 06/10/2013. Hiện nay cháu đang ở cùng anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu. Anh làm nghề bán nước giải khát đủ điều kiện nuôi

con còn chị **Y** chưa có công ăn việc làm. Anh không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ: anh không yêu cầu giải quyết.

\* *Bị đơn là chị Nguyễn Thị Bảo Y trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Đ** tự nguyện kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn vợ chồng về ở Tổ dân phố H, thị trấn B và làm nghề bán hàng nước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về mặt tình cảm. Chị không đồng ý ly hôn vì chị thương con và gia đình.

- Về con chung: Chị và anh **Đ** có 01 con chung là cháu Phan Thị Bảo A, sinh 06/10/2013. Hiện nay chị chưa có công ăn việc làm. Khi ly hôn, chị để cháu A tự lựa chọn ở với bố hay mẹ. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ: chị không yêu cầu giải quyết.

\* *Tại phiên tòa:* Anh **Đ** kiên quyết yêu cầu ly hôn chị **Y**, anh yêu cầu được nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ anh đều không yêu cầu giải quyết.

\* *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ. Xử cho anh Đ ly hôn chị Y. Giao cho anh Đ nuôi dưỡng cháu Phan Thị Bảo A. Không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ. Buộc anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

- Anh **Đ** yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con với chị **Y** có nơi cư trú tại huyện Y. Tòa án nhân dân huyện Yên Thế thụ lý giải quyết vụ án “tranh chấp ly hôn, nuôi con” là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị **Y** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị **Y**.

[2] Về yêu cầu ly hôn của anh **Đ** đối với chị **Y**:

Anh **Đ** và chị **Y** kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc đến tháng 8/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh chị trình bày có khác

nhau, theo anh Đ là do chị Y có quan hệ ngoại tình và nợ nần, theo chị Y là do vợ chồng không hợp nhau về mặt tình cảm. Gia đình đã khuyên nhủ hòa giải nhưng anh chị vẫn không hòa thuận được. Từ tháng 8/2023 đến nay anh chị đã ly thân. Nay anh Đ xác định không còn tình cảm vợ chồng, anh kiên quyết yêu cầu ly hôn chị Y. Chị Y không đồng ý ly hôn vì thương con nhưng chị không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị không đồng ý ly hôn chỉ vì con cái chứ không phải vì anh chị vẫn hòa thuận hạnh phúc. Qua xác minh tại gia đình chị Y cũng xác định được anh chị mâu thuẫn do hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ, cho anh Đ ly hôn chị Y.

[3] Về việc nuôi con chung: anh Đ và chị Y có 01 con chung là cháu Phan Thị Bảo A, sinh ngày 06/10/2013. Hiện tại cháu A đang sinh sống cùng anh Đ. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu A, chị Y hiện nay chưa có công ăn việc làm nên chị để cháu A tự lựa chọn ở với bố hay mẹ. Xét thấy cháu A có nguyện vọng ở với anh Đ, anh Đ làm nghề bán chè bưởi thu nhập theo anh trình bày là 30.000.000đồng/tháng nên có đủ điều kiện nuôi con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu A cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh và nguyện vọng của anh chị, phù hợp với nguyện vọng của cháu A.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: chị Y và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: anh Đ và chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: anh Đ phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Thanh Đ ly hôn chị Nguyễn Thị Bảo Y.

2. Về con chung:

- Giao cho anh **Phan Thanh Đ** trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu **Phan Thị Bảo A**, sinh ngày 06/10/2013.

- Sau khi ly hôn, chị **Y** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị **Y** thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ: không giải quyết.

4. Về án phí: Anh **Phan Thanh Đ** phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu 0004711 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh **Đ** đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh **Đ** có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị **Y** vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- CCTHADS huyện Yên Thế;
- UBND phường Thanh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thế Đăng**